

Số: 1604/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 14 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung dự án: Phát triển quỹ đất xây dựng khu dân cư đô thị mới Bắc 4D - Lô 3, phường Quyết Tiến**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định hạn mức giao đất, hạn mức công nhận đất ở; kích thước, diện tích đất tối thiểu được tách thửa; hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng, đất xây dựng trụ sở cơ quan, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh Lai Châu sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND, Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND; bãi bỏ một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND, số 35/2014/QĐ-UBND; bãi bỏ Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh





Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng trên đất, cây trồng vật nuôi và các tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1674/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Lai Châu V/v Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 07/6/2018 của UBND tỉnh Lai Châu V/v phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho 06 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu và 01 dự án trên địa bàn huyện Tân Uyên;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1073/TTr-TNMT ngày 09/10/2019,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung dự án: Phát triển quỹ đất xây dựng khu dân cư đô thị mới Bắc 4D - Lô 3, phường Quyết Tiến, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả bổ sung là: **907.953.088 đồng.**

*(Bằng chữ: Chín trăm linh bảy triệu chín trăm năm mươi ba nghìn không trăm tám mươi tám đồng).*

#### **Trong đó:**

- Chi trả cho chủ sở hữu:	<b>907.953.088 đồng</b>
+ Bồi thường về đất:	211.175.635 đồng
+ Tài sản, vật kiến trúc:	18.683.193 đồng
+ Cây cối, hoa màu:	165.508.860 đồng
+ Chính sách hỗ trợ:	512.585.400 đồng

*(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)*

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 25 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Chủ tịch UBND phường Quyết Tiến; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- UBND phường Đoàn Kết;
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Minh Tuấn**





**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TĐC (bổ sung)**

Dự án: Phát triển quỹ đất xây dựng khu dân cư đô thị mới bắc 4D- Lô 3, phường Quyết Tiến

(Kèm theo Quyết định số 1604/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
<b>A</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>				907.953.088
<b>I</b>	<b>Chi trả cho chủ sở hữu</b>				907.953.088
1	Đất	m <sup>2</sup>	4.740,0		211.175.635
2	Tài sản, VKT				18.683.193
3	Cây cối hoa màu				165.508.860
4	Chính sách hỗ trợ				512.585.400
<b>B</b>	<b>CHI TIẾT CHO CÁC HỘ DÂN</b>				907.953.088
1	<b>Trần Đình Bảy</b>				
	Địa chỉ: Tổ 11- phường Đoàn Kết				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				425.054.462
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				80.002.000
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	2.353,0		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	2.353,0	34.000	80.002.000
3	Vị trí 1				
4	<p>Nguồn gốc: Được xí nghiệp chè Tam Đường giao khoán ngày 26/3/1996; Phần diện tích đất chồng lấn lên thửa 90 TĐĐ 2 đang quy chủ cho ông Vũ Đức Thuận; thửa 147 TĐĐ 3 đang quy chủ cho ông Nguyễn Văn Phương; thửa 159 TĐĐ 3 đã cấp GCN QSD đất số BQ450146 ngày 4/6/2015 cho ông Trần Văn Quyết thửa 160 TĐĐ 3 đang quy chủ cho bà Lý Thị Hiền và 84,4m<sup>2</sup> thuộc thửa 242 TĐĐ 3 DGT do UBND phường Quyết Tiến quản lý thực tế là đất của ông Bảy được giao khoán năm 1996 sử dụng ổn định không có tranh chấp</p>				
<b>b</b>	<b>Tài sản, VKT</b>				8.646.462
1	Hào đào thủ công (4,0*1,0*0,7)	m <sup>3</sup>	28	82.500	2.310.000
2	Kè xây bằng đá (26,0*0,3*0,7)	m <sup>3</sup>	5,46	392.700	2.144.142
3	Nền BT đá dăm dày 10cm (4,0*9,0)	m <sup>2</sup>	36	83.600	3.009.600
4	Bóc tách bể chứa nước				-
4.1	Tường xây gạch đỏ T11cm (4,0*0,7)	m <sup>2</sup>	2,8	273.900	766.920
4.2	Nền BT gạch vỡ dày 10cm (1,0*1,0)	m <sup>2</sup>	1	59.400	59.400
5	Nền BT gạch vỡ dày 10cm (2,0*3,0)	m <sup>2</sup>	6	59.400	356.400
<b>c</b>	<b>Cây cối hoa màu trên đất</b>				82.360.000
1	Cây nhãn bán kính tán từ 2 đến 4m	cây	37	624.000	23.088.000
2	Cây nhãn bán kính tán từ 1 đến 2m	cây	10	420.000	4.200.000
3	Hàng rào cây sống	m	10	7.200	72.000
4	Sản lượng chè 2000 m <sup>2</sup> *25 tấn/ha / năm*2 năm	kg	10.000	5.500	55.000.000
<b>d</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>				254.046.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo điểm a mục 1 điều 17 của Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)	m <sup>2</sup>	2.353,0	102.000	240.006.000



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
2	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất gia đình trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp tỷ lệ mất đất từ trên 70% diện tích đất nông nghiệp không phải di chuyển chỗ ở (3 khẩu *30kg*12 tháng) theo điều 16 Quyết định 33/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	kg/người	1.080,0	13.000	14.040.000
<b>2</b>	<b>Nguyễn Văn Hải</b>				
	<b>Địa chỉ: Tổ 8- phường Quyết Tiến</b>				
	<b>Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)</b>				<b>70.544.613</b>
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>11.893.200</b>
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	349,8		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	349,8	34.000	11.893.200
3	Vị trí 1				
4	Nguồn gốc: Được Nhà nước cấp GCN QSD đất số BX792920 cấp ngày 13/9/2017. Phần diện tích đất chồng lấn lên thửa 238 TBĐ 3 DGT đang quy chủ cho UBND phường Quyết Tiến quản lý; và thửa 275 TBĐ 3 đã cấp GCN QSD đất số BX792921 cho bà Trần Thị Hoa thực tế là đất của gia đình ông Hải có cùng nguồn gốc với GCN QSD đất đã cấp. Hiện trạng không có tranh chấp				
<b>b</b>	<b>Tài sản vật kiến trúc</b>				<b>1.691.813</b>
1	Cột BTCT (0,1*0,15*2)*13 cọc	m <sup>3</sup>	0,4	1.393.700	543.543
2	Dây thép gai	m	40,0	5.000	200.000
3	Bể nước xây gạch đỏ T11cm, không nắp (0,6*0,8*1,2)	m <sup>2</sup>	0,6	631.400	363.686
4	Bó bờ hoàn chỉnh	m	7,0	48.400	338.800
5	Nền BT đá dăm dày 10 cm (2,1*1,4)	m <sup>2</sup>	2,9	83.600	245.784
<b>c</b>	<b>Cây cối hoa màu</b>				<b>11.920.000</b>
1	Cây lấy gỗ D= 40, H 5 (2 cây mỡ)	m <sup>3</sup>	1,26	480.000	602.880
2	Cây lấy gỗ D=30, H5 (2 cây xoan)	m <sup>3</sup>	0,71	480.000	339.120
3	Cây nhãn bán kính phát tán >4m	Cây	1	900.000	900.000
4	Cây lấy gỗ D=10-dưới 25 cm	Cây	3	42.000	126.000
5	Cây nhãn bán kính phát tán từ 1 đến dưới 2 m	Cây	4	420.000	1.680.000
6	Sản lượng chè 300,8 m <sup>2</sup> * 25 tấn/ha/năm *2 năm	Cây	1.504,0	5.500	8.272.000
<b>d</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>				<b>45.039.600</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo điểm a mục 1 điều 17 của Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)	m <sup>2</sup>	349,8	102.000	35.679.600
2	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất gia đình trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp tỷ lệ mất đất từ trên 70% diện tích đất nông nghiệp không phải di chuyển chỗ ở (2 khẩu *30kg*12 tháng) theo điều 16 Quyết định 33/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	kg/người	720,0	13.000	9.360.000
<b>3</b>	<b>Phạm Bá Đạo</b>				
	<b>Địa chỉ: Tổ 6 - phường Quyết Tiến</b>				
	<b>Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)</b>				<b>124.137.800</b>
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>21.855.200</b>





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	642,8		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	642,8	34.000	21.855.200
3	Vị trí Vt1				
4	<p>Nguồn gốc: Đất của gia đình ông Phạm Bá Đạo được Nông trường giao khoán 26/3/1996. Phần diện tích đất chồng lấn lên các thửa 238 TĐĐ 3 DGT quy chủ cho UBND phường Quyết Tiến quản lý; thửa 67 TĐĐ 33 đã cấp GCN QSD đất số CM642886 cho ông Hoàng Văn Kiệm; thửa 68 TĐĐ 33 đã cấp GCN QSD đất số BQ185229 ngày 12/11/2013 cho bà Lê Thị Nhài;</p> <p>thửa 13 TĐĐ 34 đã cấp GCN QSD đất số BL266970 ngày 29/8/2014 cho bà Dương Thị Nghĩa; 193 TĐĐ 3 đã cấp GCN QSD đất số BQ450669 ngày 19/12/2014 cho ông Lê Ngọc Luận.</p>				
<b>b</b>	<b>Cây cối hoa màu</b>				<b>17.997.000</b>
1	Cây đu đủ cho thu hoạch	Cây	2	144.000	288.000
2	Cây lấy gỗ trồng năm thứ 2	Cây	1	12.000	12.000
3	Cây sung tính bằng cây lấy gỗ D=10 đến dưới 25 cm	Cây	1	42.000	42.000
4	Sản lượng chè 642 m <sup>2</sup> *25 tấn/ha/năm*2 năm	kg	3.210	5.500	17.655.000
<b>c</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>				<b>84.285.600</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo điểm a mục 1 điều 17 của Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)	m <sup>2</sup>	642,8	102.000	65.565.600
2	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất gia đình trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp tỷ lệ mất đất từ trên 70% diện tích đất nông nghiệp không phải di chuyển chỗ ở (4 khẩu *30kg*12 tháng) theo điều 16 Quyết định 33/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	kg/người	1.440,0	13.000	18.720.000
<b>4</b>	<b>Trần Thị Hoa</b>				
	<b>Địa chỉ: Tổ 6- phường Đoàn Kết</b>				
	<b>Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)</b>				<b>18.432.125</b>
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>7.017.600</b>
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	206,4		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	206,4	34.000	7.017.600
3	Vị trí VT1				
4	<p>Nguồn gốc: Được Nhà nước cấp GCNQS đất số BX792921 cấp ngày 13/9/2017. Phần diện tích đất chồng lấn lên thửa 276 TĐĐ 3 đã cấp GCN QSD đất số BX792920 cho ông Nguyễn Văn Hải thực tế là đất của gia đình bà Hoa sử dụng ổn định không tranh chấp có cùng nguồn gốc với GCN đã cấp</p>				
<b>b</b>	<b>Tài sản vật kiến trúc</b>				<b>817.165</b>
1	Cột BTCT (0,1*0,15*2)*15	m <sup>3</sup>	0,5	1.393.700	627.165
2	Dây thép gai	m	38,0	5.000	190.000
<b>c</b>	<b>Cây cối hoa màu</b>				<b>10.597.360</b>
1	Cây lấy gỗ D30, H6m (5 cây) Cây mỡ	Cây	2,12	480.000	1.017.360
2	Cây nhân bán kính phát tán >4m	Cây	3,00	900.000	2.700.000



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
3	Cây nhãn bán kính phát tán từ 2 đến dưới 4 m	Cây	2	624.000	1.248.000
4	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 2	Cây	2	66.000	132.000
5	Sản lượng chè 200 m2 *25 tấn/ha/năm*2 năm	kg	1.000	5.500	5.500.000
<b>5</b>	<b>Lê Thị Chiên</b>				
	Địa chỉ: Tổ 6- phường Quyết Tiến				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				118.162.388
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				17.930.835
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	540,9		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	540,9	34.000	18.390.600
	Truy thu NVTC (Thuế TNCN và lệ phí trước bạ 2,5%)		540,9	34.000	459.765
3	Vị trí: VT1				
4	<p>Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng từ bà Lê Thị Hương ngày 21/11/2017 (theo Hợp đồng xác nhận của UBND phường Quyết Tiến số chứng thực: 46, quyền số 01/2017-SCT/HĐGD). Đất bà Hương được UBND thành phố cấp GCNQSD đất số BQ450668 ngày 29/12/2014; hiện trạng không có tranh chấp</p> <p>Phần diện tích đất chồng lấn lên thửa 172 TĐĐ 3 đã cấp GCN BQ276104 ngày 24/3/2017 cho bà Lê Thị Chiên; thửa 173 TĐĐ 3 đã cấp GCN BQ450602 ngày 29/12/2014 cho bà Đào Thị Phụng thực tế là đất của gia đình bà Chiên có cùng nguồn gốc với giấy GCN đã cấp</p>				
<b>b</b>	<b>Tài sản, VKT</b>				7.527.753
1	Hàng rào B40 (53,0*1,8) hỗ trợ di chuyển	m <sup>2</sup>	95,4	25.000	2.385.000
2	Cọc BTCT (0,3*0,3*1)*41	m <sup>3</sup>	3,69	1.393.700	5.142.753
<b>c</b>	<b>Cây cối hoa màu trên đất</b>				25.832.000
1	Cây nhãn bán kính tán trên 4m	cây	5,0	900.000	4.500.000
2	Cây nhãn bán kính tán từ 2 đến 4m	cây	8,0	624.000	4.992.000
3	Cây ăn quả trồng cảnh từ 2 đến dưới 3 năm	cây	6,0	204.000	1.224.000
4	Cây ăn quả trồng cảnh năm thứ 2	cây	8,0	102.000	816.000
5	Sản lượng chè 520 m2*25 tấn/ha / năm*2 năm	kg	2.600,0	5.500	14.300.000
<b>d</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>				66.871.800
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo điểm a mục 1 điều 17 của Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)	m <sup>2</sup>	540,9	102.000	55.171.800
2	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất gia đình trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp tỷ lệ mất đất 70% diện tích đất nông nghiệp không phải di chuyển chỗ ở (5 khẩu *30kg*12 tháng) theo điều 16 Quyết định 33/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	kg/ người	900,0	13.000	11.700.000



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
6	<b>Đất tranh chấp</b> , giữa hộ gia đình ông Trần Văn Quyết với gia đình ông Nguyễn Xuân Cảnh, Đỗ Ngọc Phụ, bà Hà Thị Dậy, Vũ Thị Hoan, Đào Thị Phương, Ngô Thị Liên, Hoàng Thị Huê, Lê Thị Tuyên				
	Địa chỉ: Tổ 8- phường Đoàn Kết,				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				76.518.000
a	<b>Về đất</b>				15.912.000
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	468,0		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	468,0	34.000	15.912.000
	Vị trí: VT1				
	Nguồn gốc: Đã cấp giấy CN QSD đất số BQ 450146 cấp ngày 4/6/2015 cho gia đình ông Trần Văn Quyết				
b	<b>Cây cối hoa màu</b>				12.870.000
1	Sản lượng chè 468 m <sup>2</sup> *25 tấn/ha/năm*2 năm	kg	2.340	5.500	12.870.000
c	<b>Chính sách hỗ trợ</b>				47.736.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo điểm a mục 1 điều 17 của Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)	m <sup>2</sup>	468,0	102.000	47.736.000
7	<b>Vũ Thị Hoan</b>				
	Địa chỉ: Tổ 6- phường Quyết Tiến				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				23.407.700
a	<b>Về đất</b>				4.868.800
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	143,2		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	143,2	34.000	4.868.800
3	Vị trí VT1				
4	Nguồn gốc: Được cấp GCNQSD đất số BQ 450603 ngày 29/12/2014. Phần diện tích đất chồng lấn lên thửa 174 TBĐ 3 đang quy chủ cho bà Hán Thị Hương thực tế là đất của gia đình bà Hoan sử dụng có cùng nguồn gốc với GCN đã cấp, hiện không có tranh chấp				
b	<b>Cây cối hoa màu trên đất</b>				3.932.500
1	Sản lượng chè 143 m <sup>2</sup> *25 tấn/ha / năm*2 năm	kg	715	5.500	3.932.500
c	<b>Chính sách hỗ trợ</b>				14.606.400
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo điểm a mục 1 điều 17 của Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)	m <sup>2</sup>	143,2	102.000	14.606.400
8	<b>Nguyễn Thanh Huy</b>				
	Địa chỉ: Tổ 1- phường Tân Phong				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				51.696.000
a	<b>Về đất</b>				51.696.000
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	35,9		
2	Loại đất				



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
	Đất ở (đường Tôn Đức Thắng kéo dài đoạn tiếp giáp đường Nguyễn Trãi đến tiếp giáp công trường mầm non Bình Minh)	m <sup>2</sup>	35,9	1.440.000	51.696.000
	Vị trí: VT1				
	Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng từ ông Đoàn Công Tú. Đất ông Tú được UBND thành phố cấp GCNQSD đất số CL474569 ngày 31/01/2018				

